

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **- NĂM BÁO CÁO: 2016 -**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

Tên thành lập : **CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**

Tên giao dịch : Petec Binh Dinh Joint Stock Company

Tên viết tắt : **PETEC BIDICO**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3503000014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2001 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai vào ngày 25 tháng 10 năm 2016 với mã số doanh nghiệp là **4100406219**.

Vốn điều lệ : 40.391.470.000 VNĐ

Vốn góp của chủ sở hữu : 40.391.470.000 VNĐ (thực tế đến 31/12/2016)

Địa chỉ trụ sở chính : 389 Trần Hưng Đạo- Thành phố Quy Nhơn- Bình Định

Điện thoại : 056.3 822233 - Fax : 056.3 823863.

Website : [www.petecbidico.com.vn](http://www.petecbidico.com.vn)

Email : [info@petecbidico.com.vn](mailto:info@petecbidico.com.vn)

| <b>MỤC LỤC</b>                                                            | <b><u>Trang</u></b> |
|---------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <b>I. Thông tin chung</b>                                                 | <b>03</b>           |
| 1. Quá trình hình thành và phát triển                                     | -                   |
| 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh                                       | -                   |
| 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý    | 05                  |
| 4. Định hướng phát triển                                                  | 07                  |
| <b>II. Tình hình hoạt động trong năm</b>                                  | <b>08</b>           |
| 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh                                | -                   |
| 2. Tổ chức và nhân sự                                                     | 10                  |
| 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án                        | 11                  |
| 4. Tình hình tài chính                                                    | -                   |
| 5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu                                         | 12                  |
| 6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư cả chủ sở hữu                      | -                   |
| <b>III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc</b>                     | <b>12</b>           |
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh                         | -                   |
| 2. Tình hình tài chính                                                    | 14                  |
| 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý                  | 15                  |
| 4. Kế hoạch phát triển trong năm 2016                                     | 16                  |
| 5. Giải trình của Ban TGD đối với ý kiến kiểm toán                        | 17                  |
| <b>IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị (HĐQT) về hoạt động của Công ty</b> | <b>16</b>           |
| 1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty                     | -                   |
| 2. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Ban TGD                     | -                   |
| 3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT.                                     | 17                  |
| <b>V. Báo cáo tài chính</b>                                               | <b>17</b>           |
| 1. Ý kiến kiểm toán.                                                      | -                   |
| 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán                                       | 19                  |

## **I. Thông tin chung:**

### **1. Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty được thành lập vào ngày 14/5/2001 theo quyết định số 35/2001/QĐ-UB của UBND Tỉnh Bình Định về việc chuyển công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thành Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định, với vốn điều lệ là: 7.319.400.000 đồng. Tiền thân của công ty Cổ phần Petec Bình Định là công ty Thương Nghiệp Tổng Hợp Bình Định. Thực hiện theo Nghị định số 338/CP của Chính Phủ về việc sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước, được sự đồng ý của Bộ Thương Mại: Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định được thành lập ngày 21/03/1991 theo Quyết định số 290/QĐ-UB của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Tỉnh Bình Định trên cơ sở hợp nhất giữa hai Cty: Công ty Công nghệ phẩm Bình Định và công ty Vật liệu xây dựng Chất đốt Bình Định dưới sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp của Sở Thương Mại và Du Lịch Bình Định.

Ngày 08/9/2006, Đại hội đồng cổ đông bất thường đã nhất trí thống nhất phương án tăng vốn điều lệ, theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 7.319.400.000 đồng lên thành 15.000.000.000 đồng (tức tăng 104,93%), tương đương 1.500.000 cổ phần.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007 (ngày 14/4/2007), đã thông qua và thống nhất đổi tên từ Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định (viết tắt là BITRACO) thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là PETEC BIDICO), đồng thời, tăng vốn điều lệ từ 15.000.000.000 đồng lên thành 30.600.000.000 đồng (tức tăng 104%), tương đương 3.060.000 cổ phần.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 (ngày 18/5/2016), đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu từ 30.600.000.000 đồng lên thành 40.391.470.000 đồng (tức tăng 32%), tương đương 4.039.147 cổ phần.

### **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

#### **a. Ngành nghề hoạt động chính yếu:**

- Kinh doanh xăng dầu, mỡ phụ, hoá chất, khí đốt, các chế phẩm từ dầu mỏ;
- Kinh doanh xi-măng, vật liệu xây dựng – trang trí nội thất, phân phối hàng tiêu dùng, vật tư nông nghiệp, v.v...
- Dịch vụ cho thuê cửa hàng, hợp tác kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng các loại;

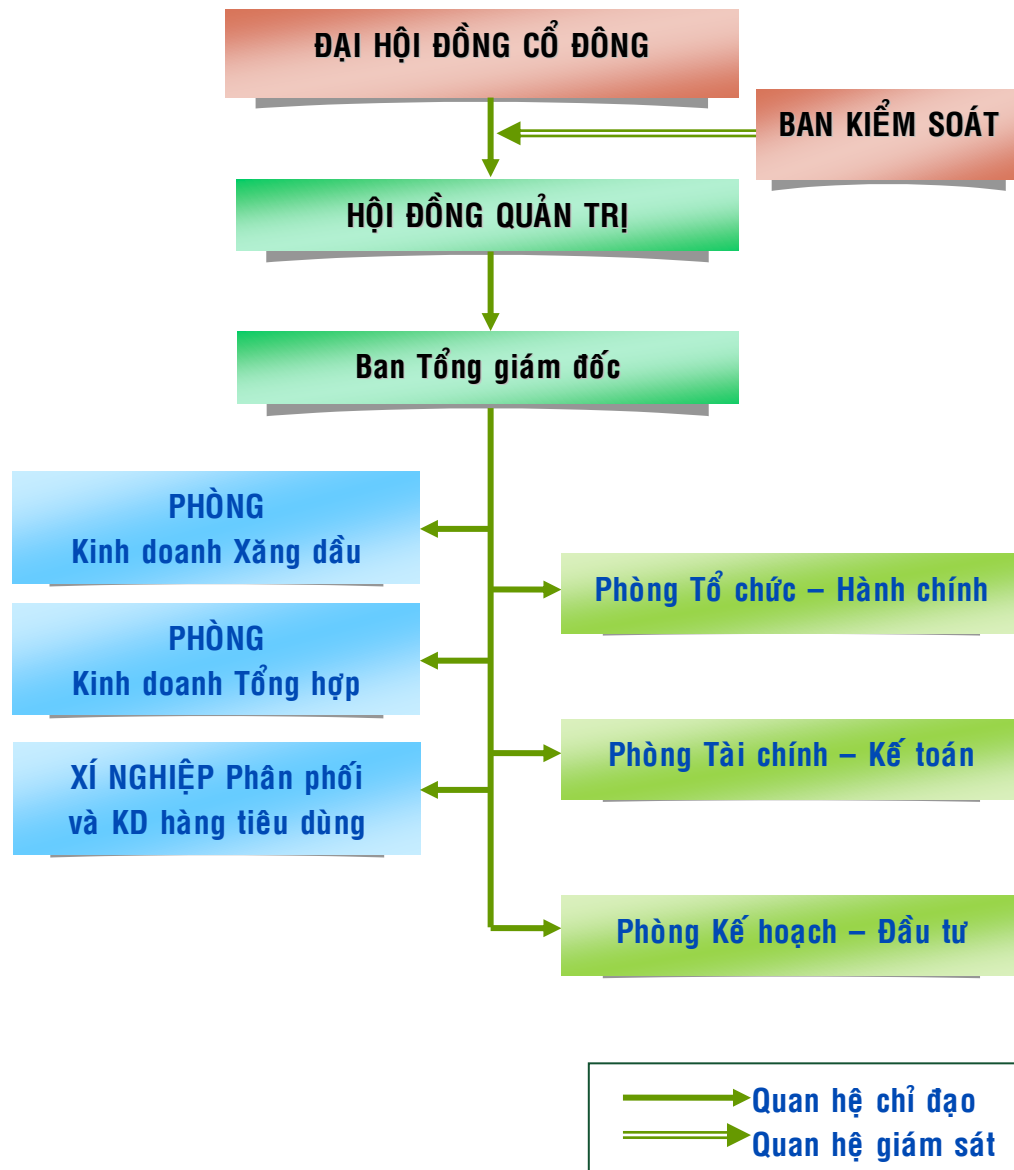
b. Các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất:

|                                    | <b><u>Năm 2016</u></b> | <i>Tỷ lệ chiếm</i> | <b><u>Năm 2015</u></b> | <i>Tỷ lệ chiếm</i> |
|------------------------------------|------------------------|--------------------|------------------------|--------------------|
| <b>Tổng doanh thu (triệu đồng)</b> | 671.265                | 100%               | 814.187                | 100%               |
| <u>Trong đó:</u>                   |                        |                    |                        |                    |
| - Kinh doanh xi-măng               | 269.158                | 40,1%              | 314.712                | 38,7%              |
| - Kinh doanh xăng dầu              | 297.022                | 44,2%              | 397.072                | 48,8%              |
| - Kinh doanh hàng công nghệ phẩm   | 97.805                 | 14,6%              | 93.192                 | 11,4%              |

c. Địa bàn kinh doanh: Thị trường hoạt động: Bình Định, Phú Yên và các tỉnh Tây Nguyên.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– Mô hình quản trị.



– **Cơ cấu bộ máy quản lý:**

**Hội đồng Quản trị công ty:**

Được đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 5 (năm) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông Công ty. Hội đồng quản trị bầu ra 1 chủ tịch. Hội đồng quản trị quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban Tổng Giám Đốc.

**Ban Kiểm soát:**

Được đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 3 (ba) thành viên. Ban kiểm soát là một cơ quan quản trị với nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm tra, giám sát, theo dõi mọi hoạt động của HĐQT và ban điều hành cũng như báo cáo và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật.

**Ban Tổng Giám đốc:**

Ban tổng giám đốc gồm 3 thành viên, 01 Tổng giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu định hướng, kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm hoàn toàn các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty, giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc công ty sẽ căn cứ vào khả năng và nhu cầu quản lý để thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định cho các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc về những công việc điều hành chuyên môn.

Dựa trên quy mô, ngành nghề và thị trường, cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng, bao gồm:

- Ban Tổng Giám đốc công ty;
- Phòng Tài chính - Kế toán;
- Phòng Tổ chức - Hành chính;
- Phòng Kế hoạch - Đầu tư;
- Phòng kinh doanh tổng hợp (Chủ yếu là kinh doanh xi-măng);
- Phòng kinh doanh xăng dầu;
- Xí nghiệp Chế biến và Kinh doanh hàng tiêu dùng (dịch vụ cho thuê kho, kinh doanh hàng công nghệ phẩm);

Đứng đầu các bộ phận này là các Trưởng phòng, Giám đốc Xí nghiệp và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc. Ngoài ra, trong công ty còn có các tổ chức đoàn

thể chính trị Chi bộ, Công đoàn và Đoàn thanh niên hoạt động trên cơ sở luật pháp của Nhà Nước và Điều lệ của các tổ chức này.

– **Các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất:**

| Danh sách các công ty con                | Địa chỉ                                | Lĩnh vực SX-KD                                                        | Vốn điều lệ thực góp | Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con |
|------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------|
| Công ty TNHH MTV Du lịch Petec Bình Định | 323 Bạch Đằng, Tp. Quy Nhơn, Bình Định | Nhà hàng ăn uống, khách sạn, lữ hành, bán lẻ lương thực, thực phẩm... | 7.000.000.000 VNĐ    | 100%                                         |

**4. Định hướng phát triển**

**a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.**

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Phát triển trọng tâm ở hai ngành hàng xăng dầu và xi-măng, mục tiêu là giữ vững thị trường kinh doanh thông qua chất lượng dịch vụ, tính ổn định trong cung ứng hàng hóa, uy tín chất lượng hàng hóa trong phân phối đến hệ thống khách hàng.
- Nâng cao hiệu suất sử dụng đồng vốn đi đôi với quản lý chặt chẽ nhằm giảm thiểu rủi ro từ các khâu công nợ phải thu.
- Phân đầu đảm bảo mức chia cổ tức hàng năm đạt từ 10%;

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Phát triển bền vững đối với hai ngành hàng chiến lược là xi-măng và xăng dầu. Đối với xi-măng, hợp tác chặt chẽ với nhà cung cấp đồng thời thực hiện các giải pháp tăng sức cạnh tranh hướng đến có thể phát triển mạnh thị trường khu vực các tỉnh Tây Nguyên nhằm gia tăng lượng tiêu thụ các mặt hàng có chất lượng như xi-măng Phúc Sơn và Nghi Sơn tại thị trường này. Đối với xăng dầu, nâng dần hiệu quả khâu bán lẻ tương ứng với tiềm năng, tiếp tục khai thác hiệu quả Kho dầu An Phú tại Cảng Quy Nhơn, qua đó đảm bảo nguồn cung cũng như đảm bảo chất lượng hàng hóa cung ứng cho hệ thống khách hàng ở khâu bán buôn.
- Nâng cao hiệu quả khai thác tài sản trên đất mặt bằng hiện có.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy có trình độ và kinh nghiệm trong từng lĩnh vực kinh doanh then chốt.

- Trên cơ sở các kế hoạch đã hoạch định, yêu cầu thực tế của Công ty, khả năng phát triển của nền kinh tế, các nội dung đầu tư trong thời gian đến sẽ gồm:
  - Tìm kiếm cơ hội đầu tư và kinh doanh hoặc hợp tác kinh doanh đối với các mặt bằng hiện có của Công ty, thông qua đó nâng cấp các mặt bằng này với mục tiêu khai thác hiệu quả hơn các tài sản trên đất trong giai đoạn sắp đến;
  - Xây dựng thêm Cửa hàng bán lẻ xăng dầu, phát triển khâu bán lẻ.
- b. *Các rủi ro: (các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty).*
  - Trong bối cảnh kinh tế chính trị Thế Giới năm 2017 có những biến động khó lường, giá xăng dầu theo đó cũng sẽ có những thay đổi liên tục, tác động lớn đến công tác dự báo của Công ty.
  - Mảng xi-măng cạnh tranh ngày càng gay gắt, đặc biệt từ khu vực xi-măng giá rẻ và những thay đổi trong phương thức đóng gói, hình thức vận chuyển,... làm giảm đáng kể giá thành; trong khi đó chi phí đầu vào đối với các mặt hàng Công ty kinh doanh tiếp tục tăng (như chi phí cầu cảng, bốc dỡ hàng, chi phí vận chuyển, ...), do đó lợi nhuận trên đầu tấn xi-măng tiếp tục giảm sút so với năm trước.
  - Công tác kiểm soát nợ phải thu mặc dù không để xảy ra rủi ro trong 2 năm qua, song nếu so với yêu cầu, thì vẫn tồn tại vấn đề cần khắc phục nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tiềm ẩn rủi ro ở các ngành hàng kinh doanh chủ lực của Công ty.
  - Tình hình thời tiết tiếp tục thay đổi khó lường, sẽ gián tiếp làm suy giảm sức mua của thị trường, đồng thời trực tiếp ảnh hưởng đến khâu vận chuyển đường biển trong thời gian đến.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

##### Các chỉ tiêu chủ yếu đạt được trong năm 2016:

| CHỈ TIÊU                                  | Đvt            | Năm 2016       |                | So sánh thực hiện năm 2016 |             |
|-------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------------------|-------------|
|                                           |                | Kế hoạch       | Thực hiện      | Với KH 2016                | Với TH 2015 |
| <b>DOANH SỐ SẢN XUẤT / MUA VÀO</b>        | <b>Tr.đồng</b> | <b>882.514</b> | <b>630.501</b> | <b>71%</b>                 | <b>81%</b>  |
| <b>DOANH THU</b>                          | <b>Tr.đồng</b> | <b>910.637</b> | <b>671.265</b> | <b>74%</b>                 | <b>82%</b>  |
| <b>DOANH THU TIÊU THỤ HÀNG HÓA</b>        | <b>Tr.đồng</b> | <b>900.198</b> | <b>663.986</b> | <b>74%</b>                 | <b>82%</b>  |
| <b>Xi-măng</b>                            | <b>Tr.đồng</b> | <b>347.182</b> | <b>269.158</b> | <b>78%</b>                 | <b>86%</b>  |
| Lượng bán ra (Phúc Sơn, Nghi Sơn, H.Long) | tấn            | 260.000        | 203.326        | 78%                        | 86%         |
| <b>Xăng dầu</b>                           | <b>Tr.đồng</b> | <b>442.607</b> | <b>297.022</b> | <b>67%</b>                 | <b>75%</b>  |
| - Phòng KDXD: Bán buôn                    | Tr.đồng        | 308.219        | 204.560        | 66%                        | 73%         |

| CHỈ TIÊU                                    | Đvt             | Năm 2016       |                | So sánh thực hiện năm 2016 |             |
|---------------------------------------------|-----------------|----------------|----------------|----------------------------|-------------|
|                                             |                 | Kế hoạch       | Thực hiện      | Với KH 2016                | Với TH 2015 |
| <i>+ Lượng bán ra</i>                       | <i>1000 lít</i> | <i>21.228</i>  | <i>19.829</i>  | <i>93%</i>                 | <i>97%</i>  |
| (+) Xăng                                    | -               | 5.500          | 3.334          | 61%                        | 70%         |
| (+) Dầu DO                                  | -               | 15.675         | 16.426         | 105%                       | 104%        |
| (+) Dầu KO                                  | -               | 53             | 69             | 132%                       | 162%        |
| - Phòng KDXD: Bán lẻ                        | Tr.đồng         | 134.388        | 92.462         | 69%                        | 80%         |
| <i>+ Lượng bán ra</i>                       | <i>1000 lít</i> | <i>8.030</i>   | <i>7.207</i>   | <i>90%</i>                 | <i>95%</i>  |
| (+) Xăng                                    | -               | 4.840          | 4.141          | 86%                        | 95%         |
| (+) Dầu DO                                  | -               | 3.190          | 3.067          | 96%                        | 96%         |
| - <b>Tổng lượng</b>                         |                 |                |                |                            |             |
| - Xăng các loại                             | 1000 lít        | 10.340         | 7.474          | 72%                        | 82%         |
| - Dầu DO                                    | -               | 18.865         | 19.493         | 103%                       | 103%        |
| - Dầu KO                                    | -               | 53             | 69             | 132%                       | 162%        |
| <b>Hàng CNP</b>                             | <b>Tr.đồng</b>  | <b>110.409</b> | <b>97.805</b>  | <b>89%</b>                 | <b>105%</b> |
| <b>DOANH THU DỊCH VỤ</b>                    |                 |                |                |                            |             |
| (Nhà hàng - T.Cưới, D.vụ mặt bằng)          | Tr.đồng         | 10.439         | 7.279,45       | 70%                        | 80%         |
| <b>KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH</b>                   |                 |                |                |                            |             |
| <b>Tổng doanh thu thuần</b>                 | <b>Tr.đồng</b>  | <b>910.637</b> | <b>671.265</b> | <b>74%</b>                 | <b>82%</b>  |
| Giá vốn hàng bán                            | -               | 882.514        | 630.501        | 71%                        | 81%         |
| Chiết khấu hàng mua                         |                 | 8.500          | -              | -                          | -           |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>                        | <b>-</b>        | <b>36.622</b>  | <b>40.765</b>  | <b>111%</b>                | <b>103%</b> |
| Doanh thu hoạt động tài chính               | -               | -              | 1.199          | -                          | 233%        |
| Chi phí tài chính                           | -               | 5.249          | 2.255          | 43%                        | 34%         |
| Chi phí bán hàng                            | -               | 22.593         | 31.332         | 139%                       | 102%        |
| Trích lập dự phòng                          | -               | -              | -              | -                          | -           |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                | -               | 4.213          | 8.910          | 212%                       | 93%         |
| Thu nhập khác                               |                 |                | 9.718          |                            | 45%         |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                 | <b>-</b>        | <b>4.568</b>   | <b>9.185</b>   | <b>201%</b>                | <b>63%</b>  |
| Thuế TNDN hiện hành                         | -               | 914            | 1.983          | 217%                       | 58%         |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                   | <b>-</b>        | <b>3.655</b>   | <b>7.201</b>   | <b>197%</b>                | <b>64%</b>  |
| <b>Tỷ lợi tức cổ phần</b>                   | <b>%</b>        | <b>10,00</b>   | <b>10,00</b>   | <b>100%</b>                | <b>100%</b> |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ | %               | 11,94          | 23,53          | 197%                       | 64%         |

Trong đó, các mảng kinh doanh chính đóng góp cụ thể như sau:

- Xăng dầu : Tuy doanh thu đạt 297 tỷ đồng, chỉ hoàn thành 67% kế hoạch, nhưng sản lượng bán ra đạt 27,04 triệu lít (hoàn thành 92% kế hoạch đề ra). Mức sản lượng bán ra ở cả khu vực bán buôn và bán lẻ đạt xấp xỉ so với năm trước.
- Xi-măng : Doanh số 269 tỷ đồng, đạt sản lượng 203 ngàn tấn, hoàn thành 78% kế hoạch đề ra, đạt 86% so với sản lượng bán ra năm 2015.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### – Danh sách Ban điều hành.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã tiến hành bầu Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ IV (gồm 5 thành viên) và Ban kiểm soát Nhiệm kỳ IV (gồm 3 thành viên).

#### **Hội đồng quản trị**

|                         |            |                          |
|-------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Huỳnh Đức Trường  | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 25/05/2015 |
| • Ông Nguyễn Trọng Phát | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23/05/2015 |
| • Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23/05/2015 |
| • Ông Nguyễn Đức Linh   | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 23/05/2015 |
| • Ông Lương Duy Văn     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23/05/2015 |

#### **Ban Kiểm soát**

|                       |            |                          |
|-----------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Văn Ánh  | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 25/05/2015 |
| • Ông Hoàng Anh Tuấn  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23/05/2015 |
| • Ông Nguyễn Văn Phàn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23/05/2015 |

#### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

|                         |                   |                          |
|-------------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Trọng Phát | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 25/05/2015 |
| • Ông Lương Duy Văn     | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 25/05/2015 |
| • Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh    | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 25/05/2015 |
| • Bà Không Thị Hà       | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm ngày 25/05/2015 |

#### **Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội đồng quản trị: (tính đến 31/12/2016)**

| Stt              | Họ tên người sở hữu cổ phần                                                             | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ %      |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------|
| 1                | C.Ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec<br>(Người đại diện phần vốn: Huỳnh Đức Trường) | 1.274.064         | 31,54        |
| 2                | Huỳnh Đức Trường                                                                        | 20.716            | 0,51         |
| 3                | Nguyễn Trọng Phát                                                                       | 519.916           | 12,87        |
| 4                | Lương Duy Văn                                                                           | 252.912           | 6,26         |
| 5                | Đỗ Khoa Mỹ Linh                                                                         | 81.576            | 2,02         |
| 6                | Nguyễn Đức Linh                                                                         | 0                 | -            |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                         | <b>2.149.184</b>  | <b>53,21</b> |

### – Những thay đổi trong ban điều hành trong năm:

Không có.

- **Số lượng cán bộ, nhân viên:** Tổng số nhân sự toàn công ty có đến cuối năm tài chính là 121 người. Trong đó nhân viên quản lý 20 người.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

Không có

**4. Tình hình tài chính:**

(Đvt: Triệu đồng)

**a. Tình hình tài chính**

| Chỉ tiêu                       | Năm 2016 | Năm 2015 | % tăng giảm |
|--------------------------------|----------|----------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản           | 117.253  | 118.176  | -0,78%      |
| Doanh thu thuần                | 671.265  | 814.187  | -17,55%     |
| Lợi nhuận từ h.động kinh doanh | -533     | -6.862   | -           |
| Lợi nhuận khác                 | 9.718    | 21.456   | -54,71%     |
| Lợi nhuận trước thuế           | 9.185    | 14.594   | -37,07%     |
| Lợi nhuận sau thuế             | 7.201    | 11.165   | -35,50%     |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức     | 10%      | 10%      | 0,00%       |

**b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

| Các chỉ tiêu                                                        | Năm 2016 | Năm 2015 | Ghi chú |
|---------------------------------------------------------------------|----------|----------|---------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                           |          |          |         |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn:<br>(TSLĐ/Nợ ngắn hạn)                  | 1,74     | 1,58     |         |
| + Hệ số thanh toán nhanh:<br>(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn      | 1,41     | 1,23     |         |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                    |          |          |         |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                             | 0,47     | 0,50     |         |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                           | 0,881    | 0,98     |         |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                            |          |          |         |
| + Vòng quay hàng tồn kho<br>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | 34,29    | 43,58    |         |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản                                      | 5,72     | 6,89     |         |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                             |          |          |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                          | 0,011    | 0,014    |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                           | 0,116    | 0,187    |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                             | 0,061    | 0,094    |         |

## **5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

### **a. Cổ phần:**

Tổng số cổ phần: 4.039.147 cổ phần, chiếm 100% vốn điều lệ. Trong đó, cổ phiếu phổ thông chiếm 100% vốn điều lệ. Không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu.

### **b. Cơ cấu cổ đông: (tính đến 31/12/2016)**

- Tổng số cổ phần : 4.039.147 cổ phần, chiếm 100% vốn điều lệ.
- Cổ đông pháp nhân : 01 cổ đông, nắm giữ 1.274.064 cổ phần, chiếm 31,54%.
- Cổ đông thể nhân : 340 cổ đông, nắm giữ 2.765.083 cổ phần, chiếm 68,46%.
- Cổ đông là Nhà nước: Không có.

### **c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm:**

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 (ngày 18/5/2016), Đại hội đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu từ 30.600.000.000 đồng lên thành 40.391.470.000 đồng (tăng 32%), tương đương 4.039.147 cổ phần.

### **d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.**

### **e. Các chứng khoán khác: Không có.**

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:**

Hoạt động kinh doanh của Công ty thuần về thương mại, không phát sinh sử dụng nguyên liệu, tiêu thụ năng lượng.

## **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:**

### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

#### **– Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty năm 2016 nhìn chung gặp nhiều khó khăn, tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt, thời tiết diễn biến phức tạp, tiêu cực (khô hạn ở các vùng Tây Nguyên, mưa lũ kéo dài ở các tỉnh duyên hải miền Trung)... Công ty luôn phải nỗ lực gia tăng sức cạnh tranh để giữ thị phần, thị trường, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả. Bên cạnh đó, những tác động tích cực từ chính sách kinh tế vĩ mô như ổn định lãi suất vay trên thị trường, biến động giá xăng dầu trong nước phù hợp với biến động của Thế giới, thị trường bất động sản tiếp tục sôi động,... đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhờ vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty đã đạt mục tiêu đề ra, thị trường cơ bản được giữ vững, trong năm không phát sinh thêm nợ xấu, thương hiệu của Công ty tiếp tục được duy trì tốt trên thị trường; sản xuất kinh doanh có lãi, cổ tức đạt kế hoạch đề ra.

***Đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu:***

Trong năm qua, giá dầu Thế Giới tiếp tục biến động liên tục. Do nắm bắt tốt diễn biến giá cả, chủ động được nguồn hàng, đi đôi với khai thác hiệu quả kho An Phú, vì vậy Công ty vẫn đảm bảo được hai mục tiêu: vừa có hàng đáp ứng cho thị trường vừa hạn chế tối thiểu rủi ro giảm giá hàng tồn kho. Tổng doanh số bán ra tuy chỉ đạt 297 tỷ đồng (hoàn thành 67% kế hoạch), tuy nhiên sản lượng bán ra năm 2016 ở cả khu vực bán buôn và bán lẻ đều giữ ở mức tương đương so với năm trước (đạt 27,04 triệu lít).

***Đối với hoạt động kinh doanh xi măng:***

Xuất phát từ những khó khăn chủ yếu từ nhu cầu xây dựng cơ bản tại GiaLai và KonTum suy giảm, do thời tiết khô hạn, không có nhiều dự án lớn khởi công, và tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt của ngành hàng xi-măng (các xi-măng giá rẻ tiếp tục thâm nhập sâu vào thị trường dân dụng các tỉnh miền Trung, đặc biệt là thị trường Bình Định và phương thức giao - nhận xi-măng xá ở một số mặt hàng xi-măng hiện nay đã hình thành mức giá cạnh tranh cao trên thị trường),... đã tạo áp lực rất lớn lên khả năng kinh doanh mặt hàng này trong năm 2016. Trong bối cảnh đó, Công ty tiếp tục triển khai các chiến lược bán hàng nhằm nâng cao sức cạnh tranh, giữ vững sức bán ra ở nhóm hàng có chất lượng cao, đã có thương hiệu trên thị trường; đồng thời phát triển có chọn lọc một số mặt hàng xi-măng giá rẻ. Tổng sản lượng bán ra năm 2016 là 203,3 ngàn tấn (đạt 78,2% kế hoạch). Các sản phẩm chất lượng mà Công ty phân phối tiếp tục là xi-măng Phúc Sơn, Nghi Sơn, Hoàng Long, trong đó xi-măng Phúc Sơn có mức sản lượng bán ra 151 ngàn tấn, qua đó giữ được thị phần, đảm bảo được các chỉ tiêu theo kế hoạch về hiệu quả kinh doanh.

***Đối với Công ty TNHH MTV Du lịch (là công ty con, kinh doanh dịch vụ Nhà hàng – Tiệc cưới,...):***

Mảng kinh doanh dịch vụ Nhà hàng – Tiệc cưới tại 323 Bạch Đằng: Mặc dù trong năm qua, Ban lãnh đạo Công ty đã có những thay đổi căn bản trong quản lý điều hành, song vẫn không nâng được hiệu quả hoạt động của đơn vị này. Ban TGD đã trình HĐQT phương án ngừng hoạt động đơn vị này, có kế hoạch khai thác tòa nhà 323 Bạch Đằng, sử dụng có hiệu quả tài sản này trong thời gian đến.

***Đối với hoạt động kinh doanh mặt hàng thuốc lá:***

Kinh doanh Thuốc lá hoạt động ổn định, sản lượng bán ra đạt 8,02 triệu gói, hoàn thành 95% kế hoạch, tuy nhiên kết quả kinh doanh không đạt theo mục tiêu đề ra.

***Dịch vụ khai thác tài sản trên đất:***

Các tài sản được khai thác dưới dạng hợp tác kinh doanh (cửa hàng, nhà xưởng, ...). Năm 2016 hoạt động kinh doanh dịch vụ này ổn định, doanh thu đạt: 1 tỷ 696 triệu đồng hoàn thành kế hoạch đề ra.

**Những tiến bộ công ty đã đạt được .**

Về công tác tổ chức lao động:

Trong năm 2016, Ban lãnh đạo tiếp tục thực hiện công tác sắp xếp bộ máy lao động theo hướng tinh gọn, kiện toàn bộ máy nhằm nâng cao năng suất lao động, tạo động lực phát triển kinh doanh.

Ngoài ra, trong bối cảnh tình hình kinh doanh còn nhiều khó khăn, song 100% người lao động vẫn bảo đảm được công ăn việc làm, thu nhập ổn định. Các dịp lễ tết Công ty đều kịp thời khen thưởng động viên, tạo sự gắn bó giữa người lao động và Công ty. Trong năm 2016, người lao động trong Công ty có thu nhập bình quân đạt trên 6 triệu đồng/người/tháng.

Trong năm 2016, Công ty tiếp tục áp dụng cơ chế khoán hợp lý cho các khâu bán lẻ xăng dầu, thuốc lá và mảng kinh doanh xi-măng, đã tạo sự linh hoạt trong cơ chế bán hàng, nâng cao chất lượng phục vụ. Công ty cũng thường xuyên củng cố, phát triển mạng lưới phân phối, đại lý; chuẩn bị đầy đủ nguồn hàng, dự trữ hàng hóa hợp lý; điều chỉnh cơ chế giá kịp thời; tăng cường hợp tác với các nhà sản xuất, nhà cung ứng, nhà phân phối; Công ty cũng luôn bảo đảm an toàn sản xuất kinh doanh, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, ứng phó sự cố. Ngoài ra, Công ty có những đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội.

Có thể nói trong năm qua Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế nhiều biến động, thị trường có sự cạnh tranh quyết liệt, ... Tuy nhiên, với những cố gắng nỗ lực không ngừng của tập thể lãnh đạo, CBCNV Công ty, sự đoàn kết nhất trí, vì sự tồn tại và phát triển của Công ty, đã tạo động lực để Công ty có thể duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, giữ vững được thị trường, kinh doanh có hiệu quả, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động. Năm 2016 tiếp tục là năm thứ mười liên tiếp Công ty được tổ chức Công ty Việt Nam Report phối hợp với Đại học Havard Hoa Kỳ bình chọn vào Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam. Có được những thành quả trên, trước hết là nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát và quản lý điều hành có hiệu quả của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, cùng với tinh thần đoàn kết, năng động của toàn thể CBCNV Công ty trong các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh.

## **2. *Tình hình tài chính***

### **a) Tình hình tài sản:**

Tổng tài sản đến 31/12/2016 là 117.084.145.180 đồng..

### **Đối với tình hình nợ phải thu:**

Tại thời điểm 31/12/2016, đa số các khoản nợ phải thu của Công ty đều được đối chiếu với khách hàng.

Tổng nợ phải thu đến 31/12/2016 là: 64.083.850.004 đồng (trong đó nợ quá hạn từ 6 tháng trở lên: 10.087.012.318 đồng)

Nợ quá hạn luôn tiềm ẩn rủi ro về tài chính và làm tăng chi phí kinh doanh của Công ty, cụ thể đến 31/12/2016, Công ty đã phải trích lập thêm dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là: 6.751.985.093 đồng (việc trích lập dự phòng được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính).

Quy chế quản lý nợ phải thu của Công ty được lập từ năm 2013, qua các năm đều được hoàn thiện nhằm tăng tính hiệu quả trong quản lý nợ, đơn đốc thu hồi công nợ đến hạn và quá hạn; chế tài đối với các cá nhân, bộ phận liên quan để xảy ra nợ dây dưa, khó đòi.

Công tác quản lý nợ và thu hồi nợ tiếp tục là một nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2017, nhằm đảm bảo an toàn tài chính và tăng hiệu quả sử dụng vốn.

**b) Tình hình nợ phải trả**

Tổng nợ phải trả cho người bán đến 31/12/2016: 6.904.910.278 đồng.

Trong năm không có biến động lớn về các khoản nợ.

Trong năm qua, Công ty đã luôn thực hiện việc giám sát chặt chẽ công tác tài chính, gắn trách nhiệm người lao động trong việc sử dụng tài sản của Công ty, thực hiện tốt công tác quản lý tiền hàng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

**Về tài chính:**

- Trong năm, theo chỉ đạo của HĐQT, Ban TGD Công ty tiếp tục hoàn thiện Quy chế quản lý nợ phải thu, qua đó tăng cường công tác quản lý tiền hàng, công nợ, thực hiện chính sách chiết khấu thanh toán phù hợp, khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh, kiểm soát chặt chẽ các chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Đối với khách hàng, tuân thủ tuyệt đối nguyên tắc chỉ ký kết hợp đồng với các khách hàng đại lý có thể đảm bảo an toàn vốn và có hiệu quả trong kinh doanh, hạn chế thấp nhất khả năng rủi ro.
- Sử dụng các nguồn lực tài chính có hiệu quả. Định mức kinh tế – kỹ thuật Công ty đã được các khâu thực hiện theo đúng qui định của Công ty.
- Đối với vốn luân chuyển, các đơn vị đã tuân thủ theo chỉ số hiệu quả quay vòng vốn trên từng khách hàng, trên từng lô hàng.

**Về tổ chức:**

- Kiện toàn bộ máy quản lý tại các đơn vị kinh doanh trên cơ sở tăng trách nhiệm đối với từng cá nhân phụ trách, tăng hiệu quả trong quản lý. Cơ chế phối kết hợp, tham chiếu giữa các phòng ban chức năng và các đơn vị kinh doanh nhằm gia tăng tính hiệu quả trong quản lý, đặc biệt về vấn đề quản lý vốn, phục vụ công tác kinh doanh được chú trọng.
- Tăng cường sự chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong công tác của cán bộ quản lý, điều hành; động viên người lao động tin tưởng, đoàn kết, nỗ lực khắc phục khó khăn, tạo nền tảng vững chắc để xây dựng Công ty phát triển bền vững.

**4. Kế hoạch phát triển trong năm 2017:**

Trên cơ sở tình hình thực tế, dự báo thị trường thời gian đến, năng lực của Công ty, kế hoạch kinh doanh năm 2017 của Công ty cụ thể như sau:

| Các chỉ tiêu       | Kế hoạch 2017 |
|--------------------|---------------|
| Tổng doanh thu     | 900 tỷ đồng   |
| Lợi nhuận sau thuế | 4,46 tỷ đồng  |
| Cổ tức dự kiến     | 10 %          |

**5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần):**

Không có.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Lãnh đạo Công ty đã làm tròn chức trách điều hành và quản trị Công ty và định hướng các biện pháp kinh doanh có hiệu quả, tuy kế hoạch về doanh thu chỉ đạt 74% so với kế hoạch, nhưng đã hoàn thành và vượt kế hoạch về lợi nhuận, qua đó cổ tức năm 2016 dự kiến đạt theo của Đại hội cổ đông đã đề ra.

Công ty đã thực hiện tốt việc kiện toàn bộ máy nhân sự. Các trưởng bộ phận đã điều hành tốt các nhiệm vụ được giao, có khả năng phối hợp các bộ phận tạo điều kiện hỗ trợ hoàn chỉnh các mục tiêu đề ra.

Công tác điều hành đối với công ty con chưa đạt kết quả mong muốn, kết quả kinh doanh dịch vụ nhà hàng tiệc cưới lở. Hoạt động chỉ đạo điều hành của Ban lãnh đạo Công ty thời gian đến chú trọng công tác khai thác tòa nhà 323 đường Bạch Đằng, thành phố Quy Nhơn, tạo hiệu quả thông qua hình thức hợp tác kinh doanh, không để xảy ra tình trạng lở trong năm 2017.

Tình hình kinh doanh của Công ty năm 2017 như đã dự báo sẽ có nhiều thuận lợi song cũng sẽ đối mặt với rất nhiều khó khăn đặc biệt về tình hình cạnh tranh, vì vậy tất cả CBCNV và Ban lãnh đạo Công ty phải nâng cao hiệu quả hoạt động để ngày càng đáp ứng yêu cầu của thực tế.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**

Ban điều hành Công ty đã thực hiện đúng các định hướng kinh doanh năm 2016 của Hội đồng quản trị đề ra. Trong năm 2017, bên cạnh việc thực hiện các biện pháp để giữ thị trường, khách hàng, Ban Tổng giám đốc phải có kế hoạch mở rộng đối với hai

ngành hàng chính là xăng dầu và đặc biệt là xi-măng, song song với nhiệm vụ quản lý nợ, kiểm soát chặt chẽ rủi ro đối với nợ phải thu nhằm đảm bảo an toàn tài chính.

Với công ty con, Ban điều hành triển khai chấm dứt hoạt động, thực hiện khai thác tòa nhà thông qua hình thức hợp tác kinh doanh.

### 3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Năm 2017 là năm mà nhu cầu thị trường sẽ có nhiều khởi sắc xuất phát từ nền kinh tế có sự hồi phục tích cực trong suốt thời gian qua. Tuy nhiên bên cạnh tác động của kinh tế Thế giới, kinh tế trong nước sẽ tiếp tục biến động, đặc biệt từ phía giá dầu và sự cạnh tranh đa dạng trên thị trường,... Vì vậy, Hội đồng quản trị sẽ chú trọng hơn về công tác kiểm soát cũng như dự báo nhằm sự chỉ đạo đối với Ban Tổng giám đốc được thực hiện sâu sát hơn, mục tiêu là hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Quyết tâm thực hiện tốt công tác quản lý sau:

- Nâng cao sản lượng bán ra ở hai ngành hàng chính là xăng dầu và xi-măng, đảm bảo tính ổn định đối với các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ khác, đảm bảo hiệu quả kinh doanh theo kế hoạch đề ra.
- Tăng cường công tác quản lý vốn, đặc biệt đối với nợ phải thu.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy, nâng cao trách nhiệm quản lý, nâng cao năng suất lao động, duy trì các chỉ số phát triển bền vững.

### **Dự kiến các khoản đầu tư:**

Không có.

## **V. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán: ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Petec Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27/03/2017, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

| Chỉ tiêu                                     | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2016<br>VNĐ      | 01/01/2016<br>VNĐ      |
|----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                  | <b>100</b> |             | <b>89.876.024.117</b>  | <b>87.079.405.076</b>  |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> |             | <b>7.325.437.869</b>   | <b>16.139.715.547</b>  |
| 1. Tiền                                      | 111        | 5           | 7.325.437.869          | 16.139.715.547         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |             |                        |                        |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> |             | -                      | -                      |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |             | <b>64.083.850.004</b>  | <b>49.620.217.022</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 6           | 68.579.081.303         | 48.857.580.069         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | 7           | 1.474.893.953          | 5.969.279.918          |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                  | 133        |             | 781.859.841            | 660.096.308            |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)    | 137        | 9           | -6.751.985.093         | -5.866.739.273         |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> |             | <b>17.212.208.423</b>  | <b>19.565.808.121</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        | 10          | 17.212.208.423         | 19.565.808.121         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)        | 149        |             |                        |                        |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>1.254.527.821</b>   | <b>1.753.664.386</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        | 11          | 161.140.377            | 91.186.957             |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   | 152        |             | 1.093.387.444          | 1.644.203.833          |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu NN        | 153        | 17          |                        | 18.273.596             |
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                   | <b>200</b> |             | <b>27.376.695.360</b>  | <b>31.096.617.203</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> |             | <b>23.843.378.230</b>  | <b>27.590.365.526</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        |             | 22.942.730.230         | 26.689.717.526         |
| - Nguyên giá                                 | 222        |             | 48.459.672.785         | 52.174.476.087         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                 | 223        |             | -25.516.942.555        | -25.484.758.561        |
| 2. Tài sản cố định vô hình                   | 227        | 13          | 900.648.000            | 900.648.000            |
| - Nguyên giá                                 | 228        |             | 900.648.000            | 900.648.000            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                 | 229        |             |                        |                        |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>           | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | <b>250</b> | <b>14</b>   | <b>1.349.852.909</b>   | <b>1.388.580.278</b>   |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            | 253        |             | 5.479.064.524          | 5.479.064.524          |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)     | 254        |             | -4.129.211.615         | -4.090.484.246         |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 255        |             |                        |                        |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b> |             | <b>2.183.464.221</b>   | <b>2.117.671.399</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        | 11          | 2.183.464.221          | 2.117.671.399          |
| 2. Tài sản dài hạn khác                      | 268        |             |                        |                        |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>   | <b>270</b> |             | <b>117.252.719.477</b> | <b>118.176.022.279</b> |

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**  
(Tiếp theo)

| Chỉ tiêu                                       | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2016<br>VNĐ      | 01/01/2016<br>VNĐ      |
|------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                         | <b>300</b> |             | <b>54.929.285.338</b>  | <b>58.590.888.396</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          | <b>310</b> |             | <b>51.624.175.602</b>  | <b>55.009.890.660</b>  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 311        | 15          | 6.904.910.278          | 11.777.868.301         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn           | 312        | 16          | 35.261.638             | 33.800.258             |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 313        | 17          | 2.855.014.440          | 1.034.158.107          |
| 4. Phải trả người lao động                     | 314        |             | 1.867.535.260          | 1.602.540.301          |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác                      | 319        | 18.a        | 3.162.809.552          | 2.777.678.666          |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn           | 320        | 19          | 36.533.236.415         | 37.589.250.208         |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                   | 322        |             | 265.408.019            | 194.594.819            |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                          | <b>330</b> |             | <b>3.305.109.736</b>   | <b>3.580.997.736</b>   |
| 1. Phải trả dài hạn khác                       | 337        | 18.b        | 1.905.109.736          | 2.180.997.736          |
| 2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả             | 341        |             | 1.400.000.000          | 1.400.000.000          |
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                      | <b>400</b> | <b>20</b>   | <b>62.323.434.139</b>  | <b>59.585.133.883</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>410</b> | <b>20</b>   | <b>62.323.434.139</b>  | <b>59.585.133.883</b>  |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                      | 411        |             | 40.391.470.000         | 30.600.000.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 411a       |             | 40.391.470.000         | 30.600.000.000         |
| - Cổ phiếu ưu đãi                              | 411b       |             |                        |                        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                        | 412        | 20          | -54.000.000            |                        |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển                       | 418        | 20          | 14.688.530.000         | 19.617.483.450         |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        | 20          | 7.297.434.139          | 9.367.650.433          |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       | 20          | 1.625.953.683          | -267.659.596           |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b       | 20          | 5.671.480.456          | 9.635.310.029          |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>          | <b>430</b> |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>   | <b>440</b> |             | <b>117.252.719.477</b> | <b>118.176.022.279</b> |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**

| Chỉ tiêu                                           | Mã số     | Thuyết minh | Năm 2016              | Năm 2015              |
|----------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 1         | 22          | 671.265.465.037       | 814.186.709.887       |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 2         |             |                       |                       |
| 3. Doanh thu thuần BH và cung cấp DV               | 10        |             | 671.265.465.037       | 814.186.709.887       |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11        | 23          | 630.500.881.406       | 774.520.477.039       |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV</b>       | <b>20</b> |             | <b>40.764.583.631</b> | <b>39.666.232.848</b> |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21        | 24          | 1.198.879.507         | 514.475.501           |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22        | 25          | 2.254.687.619         | 6.697.745.880         |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                        | 23        |             | 2.159.495.034         | 2.554.491.259         |
| 8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết  | 24        |             |                       |                       |
| 9. Chi phí bán hàng                                | 25        | 26.a        | 31.331.642.414        | 30.771.769.392        |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                   | 26        | 26.b        | 8.910.186.107         | 9.573.396.810         |
| <b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> | <b>30</b> |             | <b>-533.053.002</b>   | <b>-6.862.203.733</b> |
| 12. Thu nhập khác                                  | 31        | 27          | 9.795.281.576         | 21.749.108.784        |
| 13. Chi phí khác                                   | 32        | 28          | 77.670.890            | 293.041.069           |
| <b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>           | <b>40</b> |             | <b>9.717.610.686</b>  | <b>21.456.067.715</b> |
| <b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>       | <b>50</b> |             | <b>9.184.557.684</b>  | <b>14.593.863.982</b> |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành                    | 51        | 29          | 1.983.077.228         | 3.402.062.283         |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                     | 52        |             |                       | 26.491.670            |
| <b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN</b>          | <b>60</b> |             | <b>7.201.480.456</b>  | <b>11.165.310.029</b> |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)                   | 70        |             | 2.175                 | 3.208                 |
| 20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)                 | 71        |             | 2.175                 | 3.021                 |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016)

| Chỉ tiêu                                                                                         | Mã số | Năm 2016<br>VNĐ  | Năm 2015<br>VNĐ  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------|------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                                |       |                  |                  |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                          | 1     | 9.184.557.684    | 14.593.863.982   |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản                                                                      |       |                  |                  |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT                                                                         | 2     | 3.064.931.420    | 2.909.542.484    |
| - Các khoản dự phòng                                                                             | 3     | 923.973.189      | 5.132.329.497    |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                                    | 5     | -5.498.253.762   | -9.348.872.271   |
| - Chi phí lãi vay                                                                                | 6     | 2.159.495.034    | 2.554.491.259    |
| - Các khoản điều chỉnh khác                                                                      | 7     |                  |                  |
| 3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi Vốn LĐ                                                       | 8     | 9.834.703.565    | 15.841.354.951   |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                  | 9     | -14.779.788.817  | -10.428.229.718  |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                        | 10    | 2.353.599.698    | -3.586.764.615   |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11    | -4.218.071.909   | 9.640.245.907    |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                                   | 12    | -135.746.242     | -1.626.071.108   |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh                                                              | 13    |                  |                  |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                            | 14    | -2.159.495.034   | -2.554.491.259   |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                              | 15    | -327.629.109     | -3.049.278.935   |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                          | 16    |                  |                  |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                         | 17    | -1.278.367.000   | -845.562.043     |
| Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD                                                                    | 20    | -10.710.794.848  | 3.391.203.180    |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                                   |       |                  |                  |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                                | 21    | -72.727.272      | -3.252.045.119   |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                             | 22    | 6.231.693.727    | 11.241.999.000   |
| 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                           | 27    | 21.343.183       | 33.968.022       |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                                        | 30    | 6.180.309.638    | 8.023.921.903    |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                               |       |                  |                  |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                                   | 31    | -54.000.000      |                  |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành       | 32    |                  |                  |
| 3. Tiền thu từ đi vay                                                                            | 33    | 657.226.147.914  | 794.330.305.372  |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                                           | 34    | -658.282.161.707 | -801.162.519.557 |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                                                | 35    |                  |                  |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                       | 36    | -3.173.778.675   | -2.975.335.450   |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                                     | 40    | -4.283.792.468   | -9.807.549.635   |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ                                                                   | 50    | -8.814.277.678   | 1.607.575.448    |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                                                                  | 60    | 16.139.715.547   | 14.532.140.099   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                          | 61    |                  |                  |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ                                                                 | 70    | 7.325.437.869    | 16.139.715.547   |

Toàn văn Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất và toàn văn Báo cáo tài chính Công ty mẹ (đã được kiểm toán): đăng tải tại trang điện tử của Công ty có địa chỉ tại [http://www. http://www.petecbidico.com.vn/codong](http://www.petecbidico.com.vn/codong).

Tp. Quy Nhơn, ngày 20/4/2017  
Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty *lsh*



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Trọng Phát*